

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2017/DS- ST

Ngày: 28/8/2017

"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh và bà Hoàng Thị Tú

-Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Sinh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2017, tại Phòng xử án - Trụ sở Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLST - DS ngày 22/3/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, phường X, quận Y, thành phố N

Người đại diện hợp pháp:

1.1.Ông Bùi Văn Đ - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh Q

1.2.Ông Nguyễn Đức P - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch H – Ngân hàng A

(Văn bản ủy quyền số 111/UQ-VCB-PC ngày 23/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A và Văn bản ủy quyền số 01/HL-UQ ngày 22/02/2017 của Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh Q).

Đều có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn:

1.1. Bà **Trương Thị H₁**

Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại phần tuyên án.

2.2.Ông **Tạ Trọng H₂**

Đều trú tại: thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2015, Bà Trương Thị H₁ cùng chồng là ông Tạ Trọng H₂ có vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh Q – Phòng iao dịch H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để bù đắp vốn sửa chữa nhà ở và khu chăn nuôi, theo Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH ngày 21/05/2015 ký giữa bà Trương Thị H₁ - ông Tạ Trọng H₂ và Ngân hàng, số tiền 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận hợp đồng thì lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Số tiền đã nhận nợ (Theo Giấy nhận nợ số 1 ngày 21/5/2015) là 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng trên là: 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 455626 do UBND huyện H cấp ngày 30/6/2006 cho bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂. Số vào sổ cấp GCNQSD đất: H01320/QSDĐ. Tình trạng tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện H ngày 26/9/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Trong thời gian đầu bà H₁ - ông H₂ vẫn trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên, kể từ ngày 03/10/2016 khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn gốc và kể từ ngày 02/11/2016 phát sinh nợ quá hạn lãi liên tiếp. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông bà yêu cầu trả nợ đầy đủ nhưng ông bà vẫn không hợp tác.

Tính đến hết ngày 21/02/2017, dư nợ của bà H₁ và ông H₂ tại Ngân hàng là 376.946.243đ, trong đó: Dư nợ gốc: 361.200.000đ; lãi: 15.716.502đ; lãi phạt: 29.741đ. Tính đến hết ngày 27/8/2017, dư nợ của bà H₁ và ông H₂ tại Ngân hàng là: 397.458.230đ. Trong đó: dư nợ gốc: 361.200.000đ; lãi: 35.758.085đ; lãi phạt: 500.145đ

Với lý do trên, Ngân hàng khởi kiện với yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng A được đơn phương chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH ngày 21/5/2015 đã ký với bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂.

2. Tuyên buộc bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 27/8/2017 là : 397.458.230đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi đồng). Trong đó: dư nợ gốc: 361.200.000đ (ba trăm sáu mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng), lãi: 35.758.085đ (ba mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng), lãi phạt: 500.145đ (năm trăm nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Tiếp tục duy trì để xử lý tài sản đảm bảo, giao cho Ngân hàng A quyền quản lý tài sản đảm bảo để thi hành án trong trường hợp bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng A theo

Hợp đồng thế chấp số 45/13/HĐTC/PTH ngày 26/9/2013 đã ký giữa bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ với Ngân hàng A.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh gồm: Hợp đồng tín dụng trung hạn đồng Việt Nam số 16/05/BL/PTH ngày 21/5/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 45/13/HĐTC/PTH ngày 26/9/2013; phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số PL45/13/HĐTC/PTH ngày 13/5/2014; thông báo nợ quá hạn ngày 10/10/2016, ngày 09/11/2016, ngày 12/12/2016, ngày 05/01/2017 và ngày 07/02/2017...

Tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải, bị đơn ông Tạ Trọng H₂ khai:

Việc ông và bà Trương Thị H₁ vay tiền Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH ngày 21/5/2015 như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như việc quá hạn trả nợ Ngân hàng đã trình bày là đúng sự thật. Nguyên nhân của việc ông và bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do từ sau khi ông và bà H₁ ly hôn (tháng 8 năm 2016) thì kinh tế gặp nhiều khó khăn, ông không có khả năng trả nợ Ngân hàng. Quan điểm của ông là do ông không có khả năng thanh toán nên đề nghị Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bà Trương Thị H₁ khai: Bà và ông H₂ có ký Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH ngày 21/5/2015 với Ngân hàng. Việc bà ký hợp đồng trên là bị ông H₂ lừa ký. Nhưng do bà đã ký nên bà chịu trách nhiệm. Quan điểm của bà là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà đồng ý trả cho Ngân hàng ½ số tiền Ngân hàng yêu cầu đồng thời Ngân hàng phải trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà và ông H₂ đang thế chấp tại Ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng không đồng ý với quan điểm của bà H₁.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về Hợp đồng dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H.

Ngân hàng A - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch H là chi nhánh thuộc Ngân hàng A nên tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH thì Ngân hàng A là nguyên đơn khởi kiện, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Đảm bảo theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều xác định hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH ngày 21/5/2015. Bà H₁ khai khi ký hợp đồng là bị ông H₂ lừa, nhưng ông H₂ không thừa nhận và bà H₁ cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc bị ông H₂ lừa. Mặt khác, tài liệu hồ sơ thể hiện bà H₁ là người ký vào các giấy tờ: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, Giấy nhận nợ, biên bản kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm, biên bản định giá tài sản bảo đảm, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đây là những thủ tục cần thiết khi vay tiền tại Ngân hàng, nên việc bà khai bị ông H₂ lừa khi ký kết Hợp đồng tín dụng là không có căn cứ. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thể hiện: Số tiền Ngân hàng cho bà H₁ - ông H₂ vay là 440.000.000đ. Hợp đồng cũng đã có các điều khoản về mục đích vay, thời hạn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay... Xét thấy việc ký kết Hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đã đảm bảo quy định của pháp luật nên Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH là hợp pháp. Hợp đồng thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 45/13/HĐTC/PTH ngày 26/9/2013 và Phụ lục Hợp đồng thể chấp tài sản số PL45/13/HĐTC/PTH ngày 13/5/2014 đã được ký kết đảm bảo quy định pháp luật. Sau khi vay vốn, bà H₁ - ông H₂ đã sử dụng vốn đúng mục đích vay như thỏa thuận hợp đồng.

[2] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà H₁ - ông H₂ đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thỏa thuận kể từ sau khi nhận nợ đến hết tháng 9/2016. Kể từ tháng 10/2016 ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và trả lãi. Lý do ông H₂ đưa ra là kinh tế gặp khó khăn, ông không có khả năng trả nợ; còn bà H₁ cho rằng do ông H₂ không thực hiện việc trả nợ tại Ngân hàng. Việc ông bà chậm trả đã được Ngân hàng thông báo nhiều lần. Như vậy, kể từ tháng 10/2016, ông bà đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm quy định tại Điều 5 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 16/05/BL/PTH và vi phạm quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy Ngân hàng được quyền khởi kiện yêu cầu được đơn phương chấm dứt Hợp đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán của bà H₁ - ông H₂ với Ngân hàng: Do Hợp đồng tín dụng chấm dứt nên ông bà phải thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại điểm 7.1.4 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

Kể từ ngày 03/10/2016 đến hết ngày 27/8/2017:

Dư nợ gốc: 361.200.000đ (ba trăm sáu mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng)

Lãi: 35.758.085đ (ba mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng)

Lãi phạt: 500.145đ (năm trăm nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng)

Tổng số: 397.458.230đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi đồng)

Hiện nay ông bà đã ly hôn (theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 54/2016/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh); tuy nhiên khoản vay trên phát sinh khi ông bà còn là vợ chồng, tài sản thế chấp ông bà vẫn chưa phân chia nên ông bà vẫn phải chịu nghĩa vụ thanh toán chung và được chia theo phần, mỗi người phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ là: 397.458.230đ : 2 = 198.729.115đ (một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm mười lăm đồng).

[4] Để đảm bảo thi hành án trong trường hợp bà H₁ - ông H₂ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng, cần tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông bà.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà H₁ - ông H₂ phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền mỗi người phải thanh toán: $198.729.115đ \times 5\% = 9.936.456đ$.

Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 428; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Ngân hàng A được đơn phương chấm dứt Hợp đồng tín dụng trung hạn đồng Việt Nam số 16/BL/PTH ngày 21/5/2015 đã ký với bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂.

Buộc bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 397.458.230đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi đồng). Chia theo phần: bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ mỗi người phải thanh toán 198.729.115đ (một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 45/13/HĐTC/PTH ngày 26/9/2013 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số PL45/13/HĐTC/PTH ngày 13/5/2014.

Về án phí: bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ mỗi người phải chịu 9.935.456đ (chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.423.600đ (chín triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003114 ngày 22/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị H₁ và ông Tạ Trọng H₂ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Giang Thanh